

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2024/HC-ST
Ngày 02 – 02 – 2024
V/v Kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hữu Dụng và ông Võ Quang Tuyên.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hương Giang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:** Ông Trần Văn Lai - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số: 155/2023/TLST-HC ngày 12/10/2023 về việc “*Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 205/2023/QĐXXST-HC ngày 22/12/2023 giữa các đương sự:

* **Người khởi kiện:** Bà **Vũ Thị N**; địa chỉ: **A Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk** (vắng mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện: Bà **Trần Thị S**;

Địa chỉ: **C N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**; có mặt

* **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Địa chỉ: 01 Lý Nam Đế, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện: Ông **Lê Đại T** – Chức vụ: Phó Chủ tịch **UBND thành phố B**; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:

1. Ông **Trương Văn C** – Chức vụ: Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B; vắng mặt.

2. Ông **Võ Quang H** - Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B; Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông **Nguyễn Quốc V**; vắng mặt
2. Bà **Trương Thị Tuyết H1**; vắng mặt
3. Anh **Nguyễn Quốc K**; vắng mặt
4. Chị **Nguyễn Vũ Đăng U**; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: **A Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.**

Người đại diện theo uỷ quyền của ông **Nguyễn Quốc V**, bà **Trương Thị Tuyết H1**: Bà **Trần Thị S**; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Ý kiến của người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Nguyễn Quốc V, bà **Trương Thị Tuyết H1** là bà **Trần Thị S** trình bày:**

Năm 2012, hộ gia đình Bà **Vũ Thị N** ký lại Hợp đồng kinh tế liên kết sản xuất và phê nhận khoán với **Công ty C1** theo Hợp đồng số 305/D3/HĐKT/2012, thửa đất số 89 tờ bản đồ 57 với diện tích đất nhận khoán 8.177,3 m², thời hạn hợp đồng từ ngày 29/03/2012 đến ngày 31/12/2020.

Ngày 24/3/2023 **Ủy Ban nhân dân thành phố B** ban hành Quyết định 1321/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng Công trình cơ sở hạ tầng Khu dân cư **Thôn C, xã E, thành phố B**. Hộ gia đình bà **N** bị thu hồi đất là hộ gia đình, cá nhân đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp; có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên thửa đất bị Nhà nước thu hồi. Hộ gia đình bà **Vũ Thị N** có 04 nhân khẩu, không có nhân khẩu nào thuộc đối tượng đang hưởng lương, hưởng trợ cấp từ ngân sách Nhà nước.

Tại Quyết định phê duyệt phương án phê duyệt bồi thường số 1321/QĐ-UBND ngày 24/3/2023 của **UBND thành phố B** thì hộ gia đình bà **Vũ Thị N** chỉ được Nhà nước hỗ trợ về cây cối hoa màu, các vật kiến trúc; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ đời sống và sản xuất. Nhưng chưa được Nhà nước hỗ trợ về khoản Hỗ trợ khác theo quy định.

Quyết định số 1321/QĐ-UBND ngày 24/3/2023 của **UBND thành phố B** về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng Khu dân cư **Thôn C, xã E, thành phố B**, diện tích đất của hộ gia đình bà **Vũ Thị N** bị Nhà nước thu hồi là 8.177,3 m² là đất nhận khoán với **Công ty C1**, theo quy định tại khoản 1 Điều 82 Luật đất đai 2013 thì hộ gia đình bà **Vũ Thị N** thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất không được bồi thường về đất nhưng được hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất quy định tại Điều 83 Luật đất đai 2013.

Tại Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định việc Hỗ trợ khác đối với người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất thì được hỗ trợ như sau:

“Ngoài việc hỗ trợ quy định tại các điều 19,20,21,22,23 và 24 Nghị định này, căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định biện pháp Hỗ trợ khác để đảm bảo có chỗ ở, ổn định đời sống, sản xuất và công bằng với người có đất bị thu hồi, trường hợp hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà không đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại Điều 75 của Luật đất đai thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét hỗ trợ cho phù hợp với thực tế của địa phương; trường hợp đặc biệt trình Thủ tướng chính phủ quy định”.

Tại Khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk quy định: *“Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất do nhận giao khoán theo các quy định của pháp luật về giao khoán nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) thuộc đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo khoản 5,6 Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP nhưng diện tích đất mà hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đã được UBND tỉnh thu hồi của các nông lâm trường quốc doanh hoặc công ty N1 được chuyển đổi được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh giao địa phương, tổ chức dịch vụ công về đất đai quản lý, lập phương án sử dụng đất, khai thác quỹ đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật nhưng tại thời điểm lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hộ gia đình, cá nhân nhận giao khoán tiếp tục sử dụng do Nhà nước chưa chấm dứt việc sử dụng đất (kể cả hợp đồng còn thời hạn hoặc hết thời hạn thì được hỗ trợ bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh B đối với diện tích thu hồi; diện tích hỗ trợ không quá hạn mức giao đất theo quy định của UBND tỉnh và được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất theo khoản 1,3,5 Điều 17 Quy định này”.*

Đối chiếu các quy định nêu trên thì hộ gia đình bà **Vũ Thị N** đủ điều kiện được Nhà nước hỗ trợ về khoản Hỗ trợ khác. Do đó, bà **Vũ Thị N** khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết các vấn đề sau:

- Hủy một phần Quyết định số 1321/QĐ – UBND ngày 24/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng Cơ sở hạ tầng Khu dân cư **Thôn C, xã E, thành phố B** (đợt 1) đối với hộ bà **Vũ Thị N**.

- Buộc UBND thành phố B ban hành lại phương án bồi thường, hỗ trợ và bổ sung nội dung hỗ trợ khác theo Khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk cho hộ gia đình bà **Vũ Thị N** theo đúng quy định của pháp luật.

*** Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là ông Lê Đại T trình bày:**

Căn cứ Quyết định 07/QĐ-UBND, ngày 04/01/2017 của UBND tỉnh Đ về việc thu hồi 5.138.059 m² đất tại các xã, phường: T, T, T, T, T và xã E, thành phố B; Trong đó giao diện tích 897.744,7 m² đất trong tổng số diện tích đất thu hồi nêu trên cho Trung tâm P quản lý, lập phương án sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật; giao diện tích 4.240.315 m² đất còn lại cho UBND thành phố B quản lý, lập phương án sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật.

Căn cứ Quyết định số 5433/QĐ-UBND ngày 21/08/2019 của UBND thành phố B về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu đất tại Thôn C, xã E;

Căn cứ Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 13/01/2020 của UBND thành phố B về việc điều chỉnh nội dung tại Quyết định số 5433/QĐ-UBND ngày 21/08/2019 của UBND thành phố B về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu đất tại Thôn C, xã E, Tp .;

Căn cứ Quyết định số 1139/QĐ-UBND ngày 15/02/2022 của UBND thành phố B phê duyệt dự án: Xây dựng Cơ sở hạ tầng Khu dân cư Thôn C, xã E;

Căn cứ Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/03/2022 của UBND tỉnh Đ ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Ngày 28/03/2022, UBND thành phố B ban hành Kế hoạch số 51/KH-UBND về việc điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng dự án: Xây dựng Cơ sở hạ tầng Khu dân cư Thôn C, xã E, thành phố B;

Ngày 08/04/2022, Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố phối hợp với UBND, UBMTTQ xã E, Thôn C, Ban Q và các hộ dân có đất bị thu hồi tiến hành họp thông qua thông báo thu hồi đất, kế hoạch điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, để thực hiện dự án: Xây dựng Cơ sở hạ tầng Khu dân cư Thôn C, xã E, thành phố B;

Ngày 02/11/2022, Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố phối hợp với UBND, UBMTTQ xã E, Thôn C, đại diện hộ dân có đất thu hồi tiến hành niêm yết công khai phương án dự thảo bồi thường, hỗ trợ tại UBND xã E.

Ngày 24/11/2022, Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố phối hợp với UBND, UBMTTQ xã E, Thôn C, đại diện hộ dân có đất thu hồi tiến hành kết thúc niêm yết và tổng hợp ý kiến của hộ dân sau khi công khai phương án bồi thường, hỗ trợ tại UBND xã E.

Ngày 24/3/2023, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 1321/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng Cơ sở hạ tầng Khu dân cư Thôn C, xã E, thành phố B (đợt 1);

* Đối với đơn khởi kiện của bà **Vũ Thị N** liên quan đến Hỗ trợ khác theo Khoản 3, Điều 20, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của **UBND tỉnh Đ**, tôi có ý kiến như sau:

* Nguồn gốc đất sử dụng: Đất Nhà nước giao cho **Công ty TNHH MTV C1** quản lý, **Công ty TNHH MTV C1** ký hợp đồng kinh tế liên kết sản xuất cà phê với ông **Phạm T1** theo hợp đồng số 305/HĐKT ngày 18/09/2000 với diện tích 9.454 m². Sau đó ngày 27/5/2008 bà **Vũ Thị N** nhận lại và ký hợp đồng số 305Đ3/HĐKT, với diện tích 9.450m² đất trồng cà phê, thời hạn hợp đồng từ ngày 18/9/2008 đến ngày 31/12/2020. Bà **Vũ Thị N** canh tác, sử dụng từ đó đến nay. Diện tích thu hồi để thực hiện dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng **Khu dân cư T** là 8.177,3m² đã được thu hồi tại Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/ 2017 của **UBND tỉnh Đ** giao cho **UBND thành phố B** quản lý, lập phương án sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật.

* Hộ bà **Vũ Thị N** là hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên thửa đất thu hồi, Căn cứ khoản 1, Điều 18 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của **UBND tỉnh Đ**.

“1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp ... khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thì được hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 02 (hai) lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh B đối với diện tích thu hồi; diện tích hỗ trợ không quá hạn mức giao đất theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh... ”. Hộ bà **Vũ Thị N** đã được phê duyệt hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo diện tích thu hồi với số tiền là 1.390.141.000 đồng là đúng theo quy định.

Do hộ bà **Vũ Thị N** đã được Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo Khoản 1 Điều 18, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của **UBND tỉnh Đ** cho nên không được Hỗ trợ khác theo Khoản 3, Điều 20 Quyết định số 14/2022 /QĐ - UBND ngày 15/3/2022 của **UBND tỉnh Đ** ...

“3. Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất do nhận giao khoán theo các quy định của pháp luật về giao khoán nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) thuộc đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo khoản 5, 6 Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP nhưng diện tích đất mà hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh T2 của các nông, lâm trường quốc doanh hoặc công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh giao địa phương, tổ chức dịch vụ công về đất đai quản lý, lập phương án sử dụng đất, khai thác quỹ đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật nhưng tại thời điểm lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hộ gia đình, cá nhân nhận giao khoán tiếp tục sử dụng đất do Nhà nước chưa chấm dứt việc sử dụng đất (kể cả Hợp đồng còn thời hạn hoặc hết thời hạn) thì được hỗ trợ bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh B đối với diện tích thu

hồi; diện tích hỗ trợ không quá hạn mức giao đất theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất theo khoản 1, 3, 5 Điều 17 Quy định này. (Nội dung này UBND tỉnh Đ đã có ý kiến gửi Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại Công văn số 6207/ UBND-NNMT ngày 21/7/2023). Vì vậy, phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Vũ Thị N được UBND thành phố B phê duyệt tại Quyết định số 1321/QĐ-UBND ngày 24/3/2023 là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Vũ Thị N.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị UBND thành phố Buôn Ma Thuột phê duyệt bổ sung đối với khoản hỗ trợ khác theo khoản 3, Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND cho hộ gia đình bà Vũ Thị N.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Vũ Thị N.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ và thực hiện đúng với quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị N

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự và của Kiểm sát viên:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa đại diện cho Ủy ban nhân dân thành phố B vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Quốc K, chị Nguyễn Vũ Đăng U vắng mặt. Tuy nhiên, đây là phiên tòa lần hai, Tòa án đã triệu tập hợp lệ. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những đương sự trên là đúng với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 157, Điều 158 Luật tố tụng hành chính.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện: Ngày 24/3/2023, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 1321/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình Xây dựng Cơ sở hạ tầng Khu dân cư T, xã E, thành phố B (đợt 1). Quyết định hành chính nêu trên là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Vũ Thị N nên yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] *Về thời hiệu khởi kiện:* Do không đồng ý với một phần Quyết định số 1321/QĐ-UBND Ngày 24/3/2023 của UBND thành phố B. Ngày 06/9/2023, bà N gửi đơn khởi kiện đến Tòa án là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Thửa đất số 89 tờ bản đồ 57 với diện tích 8.177,3 m² là đất do bà Vũ Thị N nhận khoán đất của Công ty TNHH C1 theo Hợp đồng kinh tế liên kết sản xuất cà phê tại Hợp đồng số 305/D3/HĐKT/2012, thời hạn hợp đồng từ ngày 29/03/2012 đến ngày 31/12/2020.

[2.2]. Ngày 04/01/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ đã ban hành Quyết định số 07/QĐ-UBND thu hồi đất của Công ty TNHH C1 trong đó có phần đất giao khoán của hộ bà Vũ Thị N.

[2.3]. Tại Quyết định số 1321/QĐ-UBND ngày 24/3/2023 của UBND thành phố B, về việc phê duyệt phương án điều chỉnh bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án. Hộ gia đình bà Vũ Thị N thuộc đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Như vậy, theo quy định tại khoản điểm d khoản 2 Điều 83 Luật đất đai năm 2013; Điều 25 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ thì hộ bà Vũ Thị N đủ điều kiện được hỗ trợ khác:

Điều 25 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về Hỗ trợ khác đối với người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất.

Ngoài việc hỗ trợ quy định tại các Điều 19, 20, 21, 22, 23 và 24 của Nghị định này, căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định biện pháp hỗ trợ khác để bảo đảm có chỗ ở, ổn định đời sống, sản xuất và công bằng đối với người có đất thu hồi; trường hợp hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà không đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại Điều 75 của Luật Đất đai thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét hỗ trợ cho phù hợp với thực tế của địa phương; trường hợp đặc biệt trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Tại khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đ quy định : “Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất do nhận giao khoán theo các quy định của pháp luật về giao khoán nông nghiệp, lâm nghiệp... thuộc đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo khoản 5, 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP diện tích đất mà hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh T2 của các nông, lâm trường quốc doanh hoặc công ty nông, lâm nghiệp...nhưng tại thời điểm lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hộ gia đình, cá nhân nhận giao khoán tiếp tục sử dụng đất do Nhà nước chưa chấm dứt việc sử dụng...thì được hỗ trợ bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại

trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh B đối với diện tích thu hồi; diện tích hỗ trợ không quá hạn mức giao đất theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất theo khoản 1, 3, 5 Điều 17 Quy định này”..

Tuy nhiên, Quyết định số 1321/QĐ-UBND ngày 24/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố B không hỗ trợ khác cho gia đình bà Vũ Thị N là thiếu sót nên bà Vũ Thị N khởi kiện yêu cầu được Hỗ trợ khác theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đ là có căn cứ.

[3] Từ những phân tích, nhận định trên xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị N để hủy một phần 1321/QĐ – UBND ngày 24/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố B và buộc Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ mới, trong đó bổ sung khoản hỗ trợ khác cho hộ bà Vũ Thị N.

[4] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu của bà Vũ Thị N được chấp nhận nên bà N không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm

Ủy ban thành phố B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Về điều luật áp dụng: Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 157, Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 83 Luật đất đai năm 2013; Căn cứ Điều 25 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị N.

- Hủy một phần Quyết định số 1321/QĐ – UBND ngày 24/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng Cơ sở hạ tầng Khu dân cư Thôn C, xã E, thành phố B (đợt 1) đối với hộ bà Vũ Thị N.

- Buộc UBND thành phố B ban hành lại phương án bồi thường, hỗ trợ và bổ sung nội dung hỗ trợ khác cho hộ bà Vũ Thị N.

[3] Về án phí: Ủy ban nhân dân thành phố B phải chịu 300.000đ án phí hành chính sơ thẩm.

Hoàn trả bà **Vũ Thị N** 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp (do bà **Trần Thị S** nộp thay cho bà **Vũ Thị N**) theo biên lai thu số AA/2023/0003369 ngày 09/10/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Đinh Thị Tuyết